

Số: /2023/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 82/TTr-SGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp được ngân sách

nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan (*sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị*).

b) Quyết định này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Điều 2. Định mức tiêu hao nhiên liệu

1. Định mức tiêu hao nhiên liệu được xác định như sau:

$$\text{Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/100km)} = \text{Mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế (lít/100km)} \times (K_1) \times (K_2)$$

Trong đó:

Mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế là lượng nhiên liệu tiêu thụ của xe trên một quãng đường, ứng với điều kiện, chu trình thử nghiệm theo quy định của nhà sản xuất đối với từng loại xe và được công bố, dán nhãn năng lượng theo quy định, được lấy theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị.

K_1 là hệ số điều chỉnh mức tiêu hao nhiên liệu từ mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế sang mức tiêu hao nhiên liệu thực tế khi bị ảnh hưởng bởi các yếu tố hao mòn trong quá trình sử dụng (*được thể hiện bằng số km xe đã hoạt động*) được quy định cụ thể như sau:

Hệ số (K_1)		
Xe hoạt động đến 80.000km	Xe hoạt động trên 80.000km đến 160.000km	Xe hoạt động trên 160.000km
1,2	1,3	1,4

K_2 là hệ số điều chỉnh mức tiêu hao nhiên liệu do ảnh hưởng của các yếu tố như: loại đường, địa hình di chuyển, tải trọng, các thiết bị phụ tải, thời gian nổ máy, tính chất công việc và các yếu tố khác phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, được tính từ 1,0 đến tối đa không quá 1,5 do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định.

2. Đối với trường hợp xe ô tô không xác định được mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế (*không thuộc danh mục phương tiện, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Quyết định số 04/2017/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện; Thông tư liên tịch số 43/2014/TTLT-BGTVT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về dán nhãn năng lượng đối với phương tiện xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống; Thông tư số 40/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn việc dán nhãn năng lượng đối với xe ô tô con loại trên 07 chỗ đến 09 chỗ và các quy định của pháp luật có liên quan*) thì định mức mức tiêu hao nhiên liệu được xác định theo kết quả khảo

sát thực tế, tính bình quân trên 100 km chạy xe và được xác định lại sau mỗi chu kỳ sử dụng (*chu kỳ 1: xe hoạt động đến 80.000km; chu kỳ 2: xe hoạt động trên 80.000km đến 160.000km; chu kỳ 3: xe hoạt động trên 160.000km*).

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm căn cứ Quyết định này để xác định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng loại xe, quy định cụ thể trong quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô và quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở để xây dựng dự toán, cấp phát, thanh quyết toán chi phí sử dụng nhiên liệu xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế theo quy định của Quyết định này và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 và thay thế Quyết định số 45/2007/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành “Quy định về định mức tiêu hao xăng dầu trong việc sử dụng xe ô tô công trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 4;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế các Bộ: Giao thông vận tải, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN_{Hiếu}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích